

độc lập về tỷ lệ tử vong ở bệnh nhân tại khoa hồi sức [10]. Steele trong một nghiên cứu quan sát đơn trung tâm hồi cứu về 1038 bệnh nhân nặng thấy 55,2% bệnh nhân có hạ canxi máu ($Ca < 1,1 \text{ mmol/L}$) lúc nhập viện [10].

V. KẾT LUẬN

Một số yếu tố dự đoán mức độ nặng của viêm tụy cấp gồm: viêm tụy cấp do rượu, Prothrombin $< 80\%$, Creatinin $\geq 120 \text{ mcmol/l}$; LDH $\geq 500 \text{ UI/l}$; Canxi toàn phần máu $< 1,7 \text{ mmol/l}$ và BE $< -5 \text{ mmol/l}$. Trong đó LDH $\geq 500 \text{ UI/l}$ và Creatin $\geq 120 \text{ mcmol/l}$ là yếu tố dự đoán độc lập viêm tụy cấp nặng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Peery A.F., Crockett S.D., Murphy C.C., et al. (2019). Burden and Cost of Gastrointestinal, Liver, and Pancreatic Diseases in the United States: Update 2018. *Gastroenterology*, 156(1), 254-272.e11.
2. Chatila A.T., Bilal M., and Guturu P. (2019). Evaluation and management of acute pancreatitis. *WJCC*, 7(9), 1006-1020.
3. He F., Zhu H., Li B., et al. (2021). Factors predicting the severity of acute pancreatitis in elderly patients. *Aging Clin Exp Res*, 33(1), 183-192.
4. Lee D.W. and Cho C.M. (2022). Predicting Severity of Acute Pancreatitis. *Medicina*, 58(6), 787.
5. Banks P.A., Bollen T.L., Dervenis C., et al. (2013). Classification of acute pancreatitis—2012: revision of the Atlanta classification and definitions by international consensus. *Gut*, 62(1), 102-111.
6. Jinno N., Hori Y., Naitoh I., et al. (2019). Predictive factors for the mortality of acute pancreatitis on admission. *PLoS ONE*, 14(8), e0221468.
7. Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Quang Ân, Nguyễn Văn Chí. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân viêm tụy cấp vào cấp cứu tại bệnh viện Bạch Mai. *Y học Việt Nam* tháng 10- số 2- 2015, 57-61.
8. Lê Thị Ngọc Sương, Phạm Trần Trí, Trần Văn Huy. Nghiên cứu giá trị của phổi hợp thang điểm hap và bisap trong đánh giá độ nặng ở bệnh nhân viêm tụy cấp. *Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y Dược Huế - Tập 9, số 1 - tháng 2/2019*, 96-100.
9. Huang D.-N., Zhong H.-J., Cai Y.-L., et al. (2022). Serum Lactate Dehydrogenase Is a Sensitive Predictor of Systemic Complications of Acute Pancreatitis. *Gastroenterology Research and Practice*, 2022, 1-6.
10. T. K., K. N. N., and Muralidhar A. (2018). Total serum calcium and corrected calcium as a predictor of severity in acute pancreatitis. *Int Surg J*, 5(11), 3558.

ĐÁNH GIÁ TÍNH GIÁ TRỊ CỦA THANG ĐO SỰ KỶ THỊ TRẦM CẢM, RỐI LOẠN LO ÂU TRÊN GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Xuân Bách¹, Nguyễn Ngọc Bích², Đặng Hoàng Anh³

TÓM TẮT

Mục tiêu: nghiên cứu tiến hành nhằm đánh giá độ tin cậy và độ tin cậy kiểm định lại của thang đo sự kỷ thị vấn đề sức khỏe tâm thần (SKTT). **Đối tượng và phương pháp:** nghiên cứu cắt ngang được tiến hành trên 47 giáo viên trường trung học phổ thông (THPT) Hoàng Cầu, thành phố Hà Nội từ tháng 4/2023 đến tháng 11/2023 sử dụng bộ công cụ được thích ứng từ bộ công cụ của tác giả Jorm (1997). Khảo sát được tiến hành 2 lần cách nhau 15 ngày. **Kết quả:** nhóm giáo viên trong nghiên cứu đa phần là nữ giới, dân tộc kinh, trình độ trên đại học và tập trung ở các quận của Hà Nội, đã kết hôn, làm chủ nhiệm lớp chiếm đa số. Kết quả đánh giá độ tin cậy của cả thang đo và của mỗi tiểu mục đều đạt với Cronbach's alpha của thang đo từ 0,845 đến 0,943, Cronbach's alpha

của từng tiểu mục từ 0,772 đến 0,929, chỉ số tương quan biến tổng đạt từ 0,431 đến 0,895. Kết quả đánh giá độ tin cậy kiểm định lại cho giá trị chỉ số tương quan nội lớp ICC từ 0,843 đến 0,880 thể hiện độ tin cậy tốt và rất tốt. **Kết luận:** thang đo sự kỷ thị sau đánh giá độ tin cậy cho thấy có tiềm năng được sử dụng để khảo sát sự kỷ thị với vấn đề SKTT về trầm cảm và rối loạn lo âu trên giáo viên.

Từ khóa: độ tin cậy, độ tin cậy kiểm định lại, giáo viên, thang đo sự kỷ thị

SUMMARY

EVALUATING THE VALIDITY OF THE DEPRESSION AND ANXIETY DISORDER STIGMA SCALE ON HIGH SCHOOL TEACHERS

Objective: The study was conducted to evaluate the reliability and test-retest reliability of the mental health stigma scale. **Subjects and methods:** A cross-sectional study was conducted on 47 teachers at Hoang Cau High School, Hanoi City, from April 2023 to November 2023, using an instrument adapted from the questionnaire by Jorm (1997). The survey was conducted twice, 15 days apart. **Results:** the group of teachers in the study were primarily female, Kinh ethnic group, had post-university degrees, concentrated in the districts of Hanoi, were married,

¹Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN

²Trường Đại học Y tế Công cộng

³Công đoàn Giáo dục Việt Nam

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Xuân Bách

Email: bachnx.ump@vnu.edu.vn

Ngày nhận bài: 8.2.2024

Ngày phản biện khoa học: 20.3.2024

Ngày duyệt bài: 23.4.2024

were classroom management teachers. The results of assessing the scale's reliability and items were met with Cronbach's alpha of the scale from 0.845 to 0.943, Cronbach's alpha of items from 0.772 to 0.929, and the total correlation from 0.431 to 0.431. 0.895. The results of the test-retest reliability assessment showed intraclass correlation coefficient (ICC) values from 0.843 to 0.880, demonstrating good and excellent reliability. **Conclusion:** The stigma scale assessing reliability shows that it has the potential to be used to survey mental health stigma in teachers.

Keywords: reliability, test-retest reliability, teachers, stigma scale

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo nghiên cứu về gánh nặng bệnh tật toàn cầu (GBD) năm 2019, các vấn đề sức khỏe tâm thần (SKTT) là nguyên nhân hàng đầu của gánh nặng bệnh tật, trong đó trầm cảm và rối loạn rối loạn lo âu chiếm tỷ lệ cao nhất (1,2).

Trong môi trường xã hội phát triển, cùng với ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 vừa qua, gánh nặng bệnh tâm thần ngày càng gia tăng và đặc biệt gia tăng ở hai vấn đề SKTT là trầm cảm và rối loạn lo âu. Các vấn đề SKTT có thể có tác động ngay lập tức đối với những người mắc phải, như suy giảm chức năng trong cuộc sống hàng ngày và thành tích trong học tập thấp hơn, nhưng cũng có thể có tác động tiêu cực lâu dài đối với thể chất và SKTT khi trưởng thành. Ở cấp độ xã hội, các vấn đề SKTT đang diễn ra có thể dẫn đến hậu quả kinh tế và xã hội tiêu cực lâu dài, chẳng hạn như chất lượng cuộc sống kém hơn, mất năng suất làm việc và tăng chi phí cho các dịch vụ y tế.

Để đánh giá sự kỳ thị với vấn đề SKTT, các nghiên cứu hiện đang sử dụng nhiều thang đo khác nhau như thang đo sự kỳ thị trầm cảm, thang đo khoảng cách xã hội, thang đo thái độ của cộng đồng với bệnh tâm thần. Các thang đo hiện nay tập trung đến một số vấn đề sự kỳ thị, kỳ thị những người sử dụng dịch vụ SKTT, kỳ thị với các sơ sở điều trị SKTT, kỳ thị với bệnh tâm thần (1). Với bộ công cụ đánh giá năng lực SKTT do tác giả Jorm (1997) đã được sử dụng ở nhiều quốc gia trên các đối tượng khác nhau trong đó có giáo viên, tuy nhiên, thang đo sự kỳ thị của bộ công cụ chưa có công bố về độ tin cậy, do đó, với mong muốn có được một thang đo có độ tin cậy để khảo sát về khía cạnh sự kỳ thị đối với vấn đề SKTT của giáo viên, dựa trên việc thích ứng bộ công cụ sẵn có đã được chuẩn hóa bởi các tác giả trên thế giới, nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu đánh giá độ tin cậy và độ tin cậy kiểm định lại của thang đo sự kỳ thị trầm cảm, rối loạn lo âu của giáo viên Trung học

phổ thông. Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục tiêu đánh giá độ tin cậy và độ tin cậy kiểm định lại của thang đo sự kỳ thị trong bộ công cụ của Jorm (1997).

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Một nghiên cứu cắt ngang được tiến hành trên 47 giáo viên trường THPT Hoàng Cầu, thành phố Hà Nội từ tháng 4/2023 đến tháng 11/2023 sử dụng bộ công cụ được thích ứng từ bộ công cụ của tác giả Jorm (1997). Nghiên cứu gồm 2 lần khảo sát, bằng google form trên toàn bộ giáo viên của Trường: lần khảo sát ban đầu thu thập được 48 phiếu trả lời, lần khảo sát thứ 2 thu thập được 59 phiếu trả lời/tổng số 60 giáo viên của Trường. Sau khi ghép số liệu 2 lần phỏng vấn được 47 giáo viên trả lời lần 1 và lần 2.

Thang đo được đánh giá độ tin cậy bằng chỉ số Cronbach's alpha, đánh giá độ tin cậy kiểm định lại sử dụng chỉ số tương quan nội tại ICC.

Đánh giá độ tin cậy của thang đo sử dụng chỉ số Cronbach's Alpha để đo lường độ đồng nhất bên trong của các khía cạnh và của từng câu hỏi. Giá trị Cronbach's Alpha từ nhỏ hơn 0,7 là không chấp nhận được, từ 0,7-0,79 được coi là chấp nhận được; 0,8-0,89: tốt, từ 0,9 trở lên là rất tốt (2). Đối với mẫu nhỏ chỉ số tương quan biến tổng $\leq 0,3$ được coi là không có liên quan. Trong nghiên cứu này sử dụng chỉ số tương quan tổng $\geq 0,3$ được coi là có liên quan (3).

Điều kiện đánh giá độ tin cậy kiểm định lại của thang đo và của từng câu hỏi (item) sử dụng chỉ số tương quan nội tại ICC với các mức độ: ICC<0,5: độ tin cậy kém, 0,5-0,75: độ tin cậy trung bình, từ 0,75-0,9: độ tin cậy tốt, từ 0,9-1,00: độ tin cậy rất tốt (4).

Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 20: sau khi làm sạch, mã hóa và ghép số liệu phỏng vấn lần 1 và lần 2 với biến chung là biến ID, không xử lý các trường hợp thiếu số liệu. Phân tích độ tin cậy nội tại bằng chỉ số Cronbach's Alpha. Phân tích độ tin cậy kiểm định lại bằng chỉ số tương quan nội lớp (ICC) với mô hình anpha, model "Two-way mixed", type "absolute agreement" (4).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Về đặc điểm đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu chiếm đa phần là nữ giới, dân tộc kinh, đã kết hôn, có trình độ trên đại học, sống tập trung ở các quận của Hà Nội, đang làm chủ nhiệm lớp.

Tuổi trung bình của ĐTNC là $40,74 \pm 6,56$ với độ tuổi lớn nhất đang tham gia giảng dạy là 55, trẻ nhất là 25 tuổi. Các giáo viên có thâm

niên giảng dạy trung bình là $14,56 \pm 7,3$ năm, là 30 năm giảng dạy.
 người thâm niên ít nhất là 1 năm và nhiều nhất

VỀ ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO

Bảng 1: Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Thang đo	Tiểu mục	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's alpha	Cronbach's alpha
Sự kỳ thị trầm cảm: Thầy/Cô đồng ý ở mức nào với các quan điểm sau (B12)	Một vấn đề như của Hùng là nhược điểm của bản thân.	0,431	0,857	0,845
	Vấn đề của Hùng không phải là bệnh tâm thần	0,502	0,842	
	Những người có vấn đề như của Hùng rất nguy hiểm.	0,733	0,797	
	Tốt nhất là nên tránh những người có vấn đề như của Hùng để Thầy/Cô không bị ảnh hưởng	0,859	0,772	
	Không thể đoán trước những người có vấn đề như của Hùng	0,483	0,846	
	Nếu Thầy/Cô gặp vấn đề như của Hùng Thầy/Cô sẽ không nói cho ai biết	0,776	0,789	
Sự kỳ thị với rối loạn lo âu: Thầy/Cô đồng ý ở mức nào với các quan điểm sau (C12)	Một vấn đề như của Hùng là nhược điểm của bản thân.	0,599	0,907	0,905
	Vấn đề của Hùng không phải là bệnh tâm thần	0,674	0,898	
	Những người có vấn đề như của Hùng rất nguy hiểm.	0,895	0,864	
	Tốt nhất là nên tránh những người có vấn đề như của Hùng để Thầy/Cô không bị ảnh hưởng	0,850	0,871	
	Không thể đoán trước những người có vấn đề như của Hùng	0,614	0,907	
	Nếu Thầy/Cô gặp vấn đề như của Hùng Thầy/Cô sẽ không nói cho ai biết	0,814	0,877	
Sự kỳ thị với trầm cảm: Thầy/Cô sẵn sàng tiếp xúc với người như Hùng ở mức nào? (B13)	Thầy/Cô có sẵn sàng dành thời gian để trò chuyện với Hùng?	0,843	0,918	0,936
	Thầy/Cô có sẵn sàng kết bạn với Hùng?	0,849	0,916	
	Thầy/Cô có sẵn sàng hợp tác cùng Hùng trong công việc?	0,851	0,916	
	Thầy/Cô có sẵn sàng nhận một học sinh vào lớp của Thầy/Cô nếu biết học sinh có vấn đề như của Hùng?	0,851	0,916	
Sự kỳ thị với rối loạn lo âu : Thầy/Cô sẵn sàng tiếp xúc với người như Hùng ở mức nào? (C13)	Thầy/Cô có sẵn sàng dành thời gian để trò chuyện với Hùng?	0,854	0,929	0,943
	Thầy/Cô có sẵn sàng kết bạn với Hùng?	0,854	0,929	
	Thầy/Cô có sẵn sàng hợp tác cùng Hùng trong công việc?	0,881	0,921	
	Thầy/Cô có sẵn sàng nhận một học sinh vào lớp của Thầy/Cô nếu biết học sinh có vấn đề như của Hùng?	0,881	0,921	

Theo bảng 1, với bốn thang đo sự kỳ thị bao gồm hai thang đo đánh giá sự kỳ thị đối với trầm cảm (B12,B13) và hai thang đo đánh giá sự kỳ thị đối với rối loạn lo âu (C12,C13). Kết quả đánh giá độ tin cậy của cả thang đo và của mỗi

tiểu mục đều đạt với Cronbach's alpha của thang đo từ 0,845 đến 0,943, Cronbach's alpha của từng tiểu mục từ 0,772 đến 0,929, chỉ số tương quan biến tổng đạt từ 0,431 đến 0,895.

Bảng 2: Kết quả đánh giá độ tin cậy kiểm định lại của thang đo

STT	Thang đo	ICC	KTC (95%CI)	p
1	Sự kỳ thị với trầm cảm: Thầy/Cô đồng ý ở mức nào với các quan điểm sau (B12)	0,843	0,765 - 0,902	<0,001
2	Sự kỳ thị với trầm cảm: Thầy/Cô sẵn sàng tiếp xúc với người như Hùng ở mức nào? (B13)	0,863	0,792 - 0,916	<0,001
3	Sự kỳ thị với rối loạn lo âu: Thầy/Cô đồng ý ở mức nào với các quan điểm sau (C12)	0,885	0,829 - 0,928	<0,001
4	Sự kỳ thị với rối loạn lo âu: Thầy/Cô sẵn sàng tiếp xúc với người như Hồng ở mức nào? (C13)	0,880	0,810 - 0,930	<0,001

Kết quả bảng 2 về đánh giá độ tin cậy kiểm định lại của bốn thang đo cho thấy chỉ số tương quan nội tại (ICC) của thang đo về sự kỳ thị đều nằm trong khoảng từ 0,75-0,90, điều này chứng minh thang đo có độ tin cậy tốt.

IV. BÀN LUẬN

Để khảo sát mức độ kỳ thị, các nghiên cứu hiện đang sử dụng nhiều thang đo khác nhau: thang đo sự kỳ thị trầm cảm, thang đo khoảng cách xã hội, thang đo thái độ của cộng đồng với bệnh tâm thần, các thang đo tập trung đến một số vấn đề sự kỳ thị, kỳ thị những người sử dụng dịch vụ chăm sóc SKTT, kỳ thị với các sơ sở điều trị vấn đề SKTT, kỳ thị với vấn đề SKTT (1). Nghiên cứu này có thể được coi là nghiên cứu đầu tiên đánh giá độ tin cậy của thang đo trong bộ công cụ của Jorm phát triển năm 1997 do đến hiện tại chưa có báo cáo về độ tin cậy nào liên quan đến bộ công cụ của tác giả Jorm. Nghiên cứu này đã chứng minh thang đo sự kỳ thị trong bộ công cụ của Jorm có độ tin cậy với chỉ số Cronbach's alpha từ 0,845 đến 0,943, hệ số tương quan nội tại ICC từ 0,843 đến 0,880, chứng tỏ thang đo có tiềm năng sử dụng để khảo sát sự kỳ thị với vấn đề SKTT trên giáo viên, cụ thể là trầm cảm và rối loạn lo âu.

Theo David Garson, giá trị Cronbach's Alpha từ nhỏ hơn 0,7 là không chấp nhận được, từ 0,7-0,79 được coi là chấp nhận được; từ 0,8-0,89 là tốt, và từ 0,9 trở lên là rất tốt (2), so sánh với kết quả của nghiên cứu này cho thấy độ tin cậy của thang đo ở mức tốt và rất tốt. Kết quả đánh giá độ tin cậy bằng chỉ số Cronbach's Alpha cho thấy có sự khác biệt nhỏ với một số thang đo khác, cùng đánh giá năng lực SKTT về trầm cảm và rối loạn lo âu. Với nghiên cứu đánh giá độ tin cậy thang đo sự kỳ thị với trầm cảm gồm 18 mục (18-item Depression Stigma Scale (DSS)) trên đối tượng người nhập cư nói tiếng Hy Lạp và Italia do tác giả Kiropoulos và cộng sự đã công bố năm 2011 về chỉ số Cronbach's Alpha bằng 0,68 với phiên bản tiếng Hy Lạp và 0,80 đối với phiên bản tiếng Italia (5). Sự khác biệt này có thể lý giải do đối tượng nghiên cứu khác nhau,

giáo viên là những người có trình độ hiểu biết tương đối đồng nhất, cao hơn đối tượng là người nhập cư với trình độ hiểu biết khác nhau. Kết quả độ tin cậy của thang đo sự kỳ thị về trầm cảm và rối loạn lo âu trong nghiên cứu này cũng có sự khác biệt nhỏ với nghiên cứu của Amelia Gulliver và cộng sự công bố năm 2012 đánh giá trên đối tượng vận động viên bằng thang đo DSS về sự kỳ thị đối với trầm cảm cho kết quả chỉ số Cronbach's Alpha là 0,77, đối với thang đo tổng quát sự kỳ thị với rối loạn lo âu (Generalised Anxiety Stigma Scale (GASS)) có chỉ số Cronbach's Alpha là 0,90 (6). Sự khác biệt này có thể dễ dàng lý giải do các nghiên cứu trên đối tượng khác nhau với thang đo khác nhau, tuy nhiên các giá trị kết quả đo được đều ở mức chấp nhận được đến rất tốt.

Kết quả chỉ số tương quan nội tại trong nghiên cứu này cũng có sự khác biệt với kết quả của nghiên cứu được công bố năm 2012 của Amelia Gulliver và cộng sự đối với cả hai thang đo DSS và GASS, với kết quả tương ứng là 0,86 và 0,91 (6). Sự khác biệt này có thể giải thích cũng là do sự khác biệt về đối tượng nghiên cứu và thang đo được sử dụng để đánh giá.

Kết quả của nghiên cứu chứng minh thang đo sự kỳ thị về trầm cảm và rối loạn lo âu trên đối tượng giáo viên có độ tin cậy, thang đo có tiềm năng để sử dụng đánh giá trên đối tượng giáo viên và các nhà quản lý giáo dục tại Việt Nam. Các nghiên cứu trước đây sử dụng bộ công cụ của tác giả Jorm trong đó có thang đo về sự kỳ thị, và đã được thử nghiệm trên nhiều đối tượng khác nhau ở khu vực địa lý khác nhau, tuy nhiên chưa có công bố về độ tin cậy của thang đo trong bộ công cụ.

Đây là một nghiên cứu đầu tiên đánh giá độ tin cậy của thang đo sự kỳ thị trong bộ công cụ khảo sát năng lực SKTT của Jorm (1997) nên không tránh được những khiếm khuyết, một số điểm hạn chế được nhận thấy là cỡ mẫu chưa đủ lớn; thời gian giữa hai lần đánh giá là 15 ngày, do đó đối tượng nghiên cứu có thể nhớ lại kết quả trả lời của lần đánh giá thứ nhất; thang đo

sự kỳ thị này đánh giá sự kỳ thị với vấn đề SKTT cụ thể là trầm cảm và rối loạn lo âu, chưa bao phủ được nhiều vấn đề SKTT khác nhau, cũng như chưa bao phủ được một số phân nhóm sự kỳ thị, ví dụ sự kỳ thị hay sự kỳ thị với người, với cơ sở chăm sóc SKTT.

Kết quả của nghiên cứu một lần nữa cho thấy tiềm năng sử dụng thang đo sự kỳ thị trong bộ công cụ của Jorm (1997) để khảo sát trên giáo viên về sự kỳ thị trầm cảm và rối loạn lo âu.

V. KẾT LUẬN

Thang đo sự kỳ thị trong bộ công cụ của Jorm (1997) có độ tin cậy ở mức tốt và rất tốt với chỉ số Cronbach's alpha là: 0,845 - 0,936 - 0,905 - 0,943.

Thang đo sự kỳ thị trong bộ công cụ của Jorm (1997) có độ tin cậy kiểm định lại ở mức tốt với chỉ số ICC là 0,843 - 0,863 - 0,885 - 0,880.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Wei Y, McGrath PJ, Hayden J, Kutcher S.

Mental health literacy measures evaluating knowledge, attitudes and help-seeking: a scoping review. *BMC psychiatry*. 2015;15:291.

2. Cicchetti DV. Guidelines, Criteria, and Rules of Thumb for Evaluating Normed and Standardized Assessment Instrument in Psychology. *Psychological Assessment*. 1994.
3. Garson-GD. Validity and Reliability: Statistical Associates Publishers; 2013.
4. Koo TK, Li MY. A Guideline of Selecting and Reporting Intraclass Correlation Coefficients for Reliability Research. *Journal of chiropractic medicine*. 2016;15(2):155-63.
5. Kiropoulos LA, Griffiths KM, Blashki G. Effects of a multilingual information website intervention on the levels of depression literacy and depression-related stigma in Greek-born and Italian-born immigrants living in Australia: a randomized controlled trial. *Journal of medical Internet research*. 2011;13(2):e34.
6. Gulliver A, Griffiths KM, Christensen H, Mackinnon A, Calear AL, Parsons A, et al. Internet-based interventions to promote mental health help-seeking in elite athletes: an exploratory randomized controlled trial. *Journal of medical Internet research*. 2012;14(3):e69.

MỨC ĐỘ ĐỀ KHÁNG KHÁNG SINH CỦA MỘT SỐ VI KHUẨN GRAM ÂM THƯỜNG GẶP TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ CẦN THƠ TỪ NĂM 2019 - 2023

Phạm Thị Ngọc Nga¹, Nguyễn Trí Yến Chi², Trương Thị Bích Vân³

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Tình trạng kháng kháng sinh của các vi khuẩn gây bệnh ngày càng gia tăng. **Mục tiêu:** Xác định mức độ đề kháng kháng sinh của các chủng vi khuẩn gram âm được phân lập tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp:** Mô tả cắt ngang trên tổng 2313 chủng vi khuẩn gram âm được phân lập từ các bệnh phẩm tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 12 năm 2023. **Kết quả:** Số lượng mẫu bệnh phẩm thu được nhiều nhất là tại khoa ICU (62,4%) và mẫu bệnh thu thập chiếm tỷ lệ cao nhất trong nghiên cứu là đờm (45,1%). *Klebsiella pneumoniae* (25,9%) và *Escherichia coli* (23,6%) là hai chủng vi khuẩn gram âm được phân lập thường gặp nhất. *Acinetobacter baumannii* và *Pseudomonas aeruginosa* là 17,8% và 10,0%. Trong 3 nhóm đề kháng kháng sinh, vi khuẩn chủ yếu tập trung cao ở nhóm siêu đề kháng. Ở nhóm toàn kháng A.

baumannii (19,9%) và *K. pneumoniae* (16,7%) có tỷ lệ cao vượt trội hơn các chủng còn lại. Ngoại trừ *Proteus* và *Stenotrophomonas maltophilia*, sự đề kháng kháng sinh của từng chủng vi khuẩn gram âm còn lại thay đổi theo từng năm và có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). **Kết luận:** Các chủng vi khuẩn gram âm được phân lập tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ có tỷ lệ kháng kháng sinh cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc cần thiết phải xây dựng kế hoạch phối hợp kháng sinh hợp lý để điều trị hiệu quả cho bệnh nhân.

Từ khóa: Gram âm, đề kháng, kháng sinh

SUMMARY

LEVELS OF ANTIBIOTIC RESISTANCE OF COMMON GRAM NEGATIVE BACTERIA AT CAN THO GENERAL HOSPITAL FROM 2019 – 2023

Background: Antibiotic resistance among pathogenic bacteria is increasing. **Objective:** Determine the level of multi-antibiotic resistance of gram-negative bacterial strains isolated at Can Tho City General Hospital. **Materials and methods:** Cross-sectional description of a total of 2313 strains of gram-negative bacteria isolated from clinical specimens at Can Tho General Hospital from January 2019 to December 2023. **Results:** Quantity The most specimens collected were in the ICU (62.4%), and the highest proportion of specimens collected in the study

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

²Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long

³Viện công nghệ sinh học và thực phẩm, Đại học Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Trương Thị Bích Vân

Email: ttbvan@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 9.2.2024

Ngày phản biện khoa học: 21.3.2024

Ngày duyệt bài: 22.4.2024